

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã,
phường, thị trấn và tuyển dụng công chức xã, phường,
thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Cán bộ, Công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25
tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của
Chính phủ quy định kiểm định chất lượng đầu vào công chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi
nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên
chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công
chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2315/TTr-SNV ngày
18 tháng 10 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn đối với
cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và tuyển dụng công chức xã, phường, thị
trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2023 và thay thế Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam ban hành kèm theo Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TTTU; TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, NCKS (Ba).

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và
tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**
*(Kèm theo Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 26/10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn của cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã); và việc tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ cấp xã bao gồm các chức vụ sau đây: Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam); Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

2. Công chức cấp xã bao gồm các chức danh sau đây: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự; Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội.

3. Người tham gia dự tuyển các chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2 Điều này và các cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 3. Mục đích của việc xác định tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã là căn cứ để cấp huyện, cấp xã thực hiện việc quy hoạch, bầu cử, tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, xếp lương, nâng bậc lương và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương thức tuyển dụng

1. Thực hiện tuyển dụng bằng phương thức thi tuyển đối với người đăng ký dự tuyển các chức danh công chức: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội.

2. Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

3. Căn cứ vào tình hình cụ thể, có thể thực hiện tuyển dụng bằng phương thức xét tuyển các chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 1 Điều này đối với các đối tượng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

4. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã, thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và tại quy định này.

Chương II **TIÊU CHUẨN, NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC** **CẤP XÃ VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP ĐỐI VỚI** **CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 5. Tiêu chuẩn chung của cán bộ, công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của từng chức vụ cán bộ cấp xã

1. Thực hiện theo Điều 8, Điều 9 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Trường hợp cán bộ cấp xã là người dân tộc thiểu số làm việc tại các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì phải đạt trình độ trung cấp chuyên môn trở lên.

3. Căn cứ nhiệm vụ của từng chức vụ cán bộ cấp xã quy định tại Điều 9 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân

cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cấp xã, bảo đảm tất cả các lĩnh vực công tác đều có cán bộ phụ trách và thực hiện.

Điều 7. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Thực hiện theo Điều 10, Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Trường hợp công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số làm việc tại các xã, phường, thị trấn thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì phải đạt trình độ trung cấp trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức được đảm nhiệm.

3. Căn cứ nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng cấp xã, bảo đảm tất cả các lĩnh vực công tác đều có công chức phụ trách và thực hiện.

Điều 8. Ngành, nhóm ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã

1. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh công chức Văn phòng - thống kê: Văn thư, lưu trữ, hành chính, quản lý nhà nước, quản lý nhân sự, văn phòng, ngữ văn, triết học, kinh tế chính trị, thống kê, công nghệ thông tin, quản trị học, quản trị nhân sự, quản trị nguồn nhân lực, quản trị văn phòng; Thông tin thư viện; các nhóm ngành về luật, kinh tế, văn hóa, xã hội.

2. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường hoặc công chức Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường:

a) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường ở phường, thị trấn: Quản lý đất đai, Khoa học đất; Xây dựng, Kiến trúc và Quy hoạch, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng; Kỹ thuật đô thị, Kỹ thuật hạ tầng đô thị, Quản lý đô thị, Kỹ thuật công trình giao thông, Quản lý công trình giao thông, cầu đường; Trắc địa bản đồ, địa chất công trình; Quản lý chất lượng lương thực, thực phẩm; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học, Môi trường, Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường; các ngành địa chính, xây dựng, đô thị, môi trường, luật.

b) Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường ở xã: Quản lý đất đai, Khoa học đất; Xây dựng, Kiến trúc và Quy hoạch, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kỹ thuật xây dựng, Quản lý xây dựng, Kỹ thuật công trình giao thông,

Quản lý công trình giao thông, cầu đường; Trắc địa bản đồ; Quản lý chất lượng lương thực, thực phẩm; Công nghệ thực phẩm; Thủy sản; Công nghệ sinh học, Môi trường, Quản lý môi trường, Kỹ thuật môi trường, khoa học môi trường; các ngành địa chính, nông nghiệp, xây dựng, môi trường; Phát triển nông thôn; Khuyến nông; Lâm nghiệp.

3. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh công chức Tài chính - kế toán: các nhóm ngành về Tài chính - kế toán, kế toán, kiểm toán, tài chính - ngân hàng.

4. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh công chức Tư pháp - hộ tịch: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 72 luật Hộ tịch năm 2014.

5. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh công chức Văn hóa - xã hội:

a) Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch: Quản lý văn hóa, Thông tin tuyên truyền, Văn hóa, Thông tin học, Báo chí - Tuyên truyền, Quản lý văn hóa - tư tưởng, Phát thanh; Các ngành Luật; Hành chính công, Chính sách công, Quản lý công; Quản lý nhà nước; Lịch sử, Việt Nam học, Ngữ văn; Xã hội học, Công tác xã hội, Quản lý xã hội; Quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo; Quản lý nghệ thuật; Quản lý du lịch, Kinh doanh du lịch và Thương mại du lịch; Các ngành Thể dục, thể thao; Điện tử - viễn thông và các ngành công nghệ thông tin.

b) Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội: Các ngành Luật; Hành chính công, Chính sách công, Quản lý công; Quản lý nhà nước; quản trị nhân lực; Tuyên giáo, Lịch sử, Việt Nam học, Nhân học, Ngữ văn; Các ngành Lao động - xã hội, bảo trợ xã hội, Công tác xã hội, Quản lý xã hội, Kinh tế lao động, Lao động - tiền lương; nhóm ngành về luật, kinh tế.

6. Ngành đào tạo có liên quan đến chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chuyên ngành đào tạo ghi trên văn bằng tốt nghiệp để thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã phù hợp chức danh công chức cấp xã. Trong quá trình thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã, UBND cấp huyện xem xét quyết định chọn ngành đào tạo chuyên môn cụ thể trong nhóm ngành liên quan đến tiêu chuẩn của từng chức danh công chức để thực hiện việc tuyển dụng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương.

Chương III

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1. CĂN CỨ, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

Điều 9. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Việc tuyển dụng công chức phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng biên chế công chức cấp xã được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã về Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ cấp huyện) để tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao và số lượng biên chế chưa sử dụng của cấp xã;

b) Số lượng công chức cần tuyển ở từng chức danh công chức cấp xã;

c) Số lượng công chức cấp xã thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng: Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm;

đ) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển;

e) Các nội dung khác (nếu có).

3. Phòng Nội vụ cấp huyện tổng hợp, thẩm định, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã hàng năm trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét để tổ chức tuyển dụng theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố và tổ chức triển khai thực hiện việc tuyển dụng công chức cấp xã theo thẩm quyền quy định tại Điều 15 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ.

Điều 10. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;

b) Đủ 18 tuổi trở lên;

c) Có đơn dự tuyển;

d) Có lý lịch rõ ràng, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc của cơ quan, đơn vị, tổ chức đang công tác xác nhận;

đ) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm và tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã theo quy định;

e) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;

g) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển công chức cấp xã:

a) Không cư trú tại Việt Nam;

b) Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc;

d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Điều 11. Ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên: được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

2. Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

Điều 12. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức việc tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức thuộc bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có), Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn tại vòng 2.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

d) Báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3. Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng; các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng; nội quy, quy chế tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới đó.

Mục 2. THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 13. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Thực hiện theo Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Nội dung thi gồm 3 phần, thời gian thi như sau:

Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định. Thời gian thi 30 phút;

Phần III: Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

c) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số, trong trường hợp dự tuyển vào công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

d) Miễn phần thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin;

đ) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm b khoản này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

e) Riêng đối với người đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào theo quy định của Chính phủ về kiểm định chất lượng đầu vào công chức mà tham gia thi tuyển công chức cấp xã thì không phải thực hiện thi vòng 1 theo quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào chức trách, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của ngạch công chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề). Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì thời gian thi phỏng vấn và thời gian thi viết được thực hiện theo quy định tại điểm này.

d) Thang điểm (thi phỏng vấn, thi viết): 100 điểm. Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm.

Điều 14. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết hợp phỏng vấn và viết thì người dự thi phải dự thi đủ phỏng vấn và viết;

b) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 13 Quy định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức của từng xã, phường, thị trấn có nhu cầu tuyển dụng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Mục 3. XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 15. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học;

c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Riêng chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện việc xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 16. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

Xét tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2

a) Phòng vấn đề kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển;

b) Thời gian phỏng vấn 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn);

c) Thang điểm: 100 điểm.

3. Đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã, thực hiện xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 17. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 5 Nghị định này (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Mục 4. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 18. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên

trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- a) Số lượng biên chế công chức cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm;
- b) Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc thi tuyển, xét tuyển;
- c) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển;
- d) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển;
- đ) Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

3. Việc thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển (*theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này*) tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

5. Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Điều 19. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

- 1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định.
- 2. Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

3. Tổ chức thi tuyển:

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

b) Tổ chức thi vòng 1:

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

c) Tổ chức thi vòng 2:

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết hoặc hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì việc chấm thi

viết và chấm phúc khảo thi viết thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

4. Tổ chức xét tuyển:

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng.

b) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

Điều 20. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 15 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2 theo quy định tại Điều 19 Quy định này, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét, phê duyệt kết quả tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

Điều 21. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Trường hợp người trúng tuyển được miễn phần thi ngoại ngữ hoặc tin học quy định tại khoản 1 Điều 8 quy định này thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Điều 22. Quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức không đến nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 21 quy định này hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 14 quy định này (trong trường hợp tổ chức thi tuyển) hoặc quy định tại khoản 2 Điều 17 quy định này (trong trường hợp tổ chức xét tuyển).

Mục 5. TẬP SỰ ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 23. Chế độ tập sự đối với công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (*trừ khoản 4 Điều 20*); cụ thể như sau:

1. Người được tuyển dụng vào công chức phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

2. Thời gian tập sự được quy định như sau:

a) 12 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ đại học trở lên;

b) 06 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ dưới đại học. Không thực hiện chế độ tập sự đối với chức danh công chức Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

c) Thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội, thời gian nghỉ ốm đau từ 14 ngày trở lên, thời gian nghỉ không hưởng lương, thời gian bị tạm giam, tạm giữ, tạm đình chỉ công tác theo quy định của pháp luật không được tính vào thời gian tập sự.

Trường hợp người tập sự nghỉ ốm đau hoặc có lý do chính đáng dưới 14 ngày mà được người đứng đầu cơ quan, đơn vị nơi người được tuyển dụng vào công chức đang thực hiện chế độ tập sự đồng ý thì thời gian này được tính vào thời gian tập sự.

3. Nội dung tập sự:

a) Nắm vững quy định của pháp luật về công chức; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công tác; nội quy, quy chế làm việc của cơ quan và chức trách, nhiệm vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng;

b) Trau dồi kiến thức và kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng;

c) Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

4. Không thực hiện chế độ tập sự đối với các trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, được bố trí làm việc theo đúng ngành, nghề đào tạo hoặc theo đúng chuyên môn nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm mà thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu đứt quãng thì được cộng dồn) bằng hoặc lớn hơn thời gian tập sự tương ứng với thời gian tập sự của công chức được tuyển dụng quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Không điều động, bố trí, phân công công tác đối với người được tuyển dụng đang trong thời gian thực hiện chế độ tập sự sang vị trí việc làm khác vị trí được tuyển dụng ở trong cùng cơ quan, tổ chức hoặc sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác.

Điều 24. Hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

Cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn người tập sự nắm vững và tập làm những công việc theo yêu cầu nội dung tập sự quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy định này.

2. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày công chức đến nhận việc, người đứng đầu cơ quan sử dụng phải cử công chức có cùng trình độ đào tạo hoặc cao hơn, có năng lực và kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ hướng dẫn người tập sự.

Điều 25. Chế độ, chính sách đối với người tập sự và người hướng dẫn tập sự

Thực hiện theo Điều 22 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Trong thời gian tập sự, người tập sự được hưởng 85% mức lương bậc 1 của ngạch tuyển dụng. Trường hợp người tập sự có trình độ thạc sĩ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng thì được hưởng 85% mức lương bậc 2 của ngạch tuyển dụng; trường hợp người tập sự có trình độ tiến sĩ phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm tuyển dụng thì được hưởng 85% mức lương bậc 3 của ngạch tuyển dụng. Các khoản phụ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật.

2. Người tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Làm việc trong các ngành, nghề độc hại nguy hiểm;

c) Hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

3. Thời gian tập sự không được tính vào thời gian xét nâng bậc lương.

4. Công chức được cơ quan, tổ chức phân công hướng dẫn tập sự được hưởng hệ số phụ cấp trách nhiệm bằng 0,3 so với mức lương cơ sở trong thời gian hướng dẫn tập sự.

Điều 26. Công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng

Thực hiện theo Điều 23 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy định này; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức.

2. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức có văn bản đề nghị người đứng đầu cơ quan quản lý công chức quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức cấp xã được tuyển dụng.

Điều 27. Hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự

Thực hiện theo Điều 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; cụ thể như sau:

1. Quyết định tuyển dụng bị hủy bỏ trong trường hợp người tập sự không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

2. Người đứng đầu cơ quan sử dụng công chức đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức ra quyết định bằng văn bản huỷ bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Người tập sự bị huỷ bỏ quyết định tuyển dụng được cơ quan sử dụng công chức trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu xe về nơi cư trú.

Mục 6. TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 28. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Thực hiện theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Điều 29. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận; hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận và Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Thực hiện theo Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh... theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã.

2. Tham mưu UBND tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai và thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

2. Hàng năm, rà soát, lập kế hoạch quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm trong việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo đúng tiêu chuẩn quy định; thực

hiện đúng công tác tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định này và quy định của pháp luật.

Điều 32. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ và quy định này.
2. Hàng năm, tổ chức rà soát việc bố trí các chức danh cán bộ, công chức cấp xã và đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.
3. Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký cơ quan có thẩm quyền đề cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

Điều 33. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

1. Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã phải đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Khi các quy định pháp luật chuyên ngành được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản mới đó.
2. Về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã, khi Chính phủ sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 thì các điều, khoản dẫn chiếu áp dụng Nghị định này được thực hiện theo Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.
3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu vướng mắc phát sinh, các đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

MẪU PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

(Kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày /10/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam)

(Mẫu số 01)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm

(Dán ảnh 4x6)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí dự tuyển⁽¹⁾:

Đơn vị dự tuyển⁽²⁾:

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh: Nam⁽³⁾ ☐ Nữ ☐

Dân tộc: Tôn giáo:

Số CMND hoặc Thẻ căn cước công dân: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam: Ngày chính thức:

Số điện thoại di động để báo tin: Email:

Quê quán:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện nay (để báo tin):

Tình trạng sức khoẻ: Chiều cao: Cân nặng:kg
Thành phần bản thân hiện nay:
Trình độ văn hoá:
Trình độ chuyên môn:

II. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ GIA ĐÌNH

Mối quan hệ	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, cơ quan, tổ chức công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội.....)

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngày, tháng, năm cấp văn bằng, chứng chỉ	Tên trường, cơ sở đào tạo cấp	Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Số hiệu của văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại bằng, chứng chỉ

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức công tác

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có)

.....

.....

**VII. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM
QUYỀN TUYỂN DỤNG**

.....

.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.